TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/DS- ST
Ngày : 18-9-2018
V/v: "Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng;

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92A/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: số 118B ấp 2A, xã N, thành phố B tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: số 49 khu phố H, phường B, thành phố B, tỉnh BT.

Theo văn bản ủy quyền ngày 28/8/2018.

Bị đơn: Bà **Phạm Thị Y**, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: số 103B ấp 2A, xã N, thành phố B tỉnh BT.

Bà Vân A, bà Y có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2018, bản tự khai ngày 28/8/2018, biên bản hòa giải ngày 28/8/2018, đơn xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ngày 29/8/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân A trình bày:

Ngày 24/5/2018, chị T có cho bà Phạm Thị Y vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có làm hợp đồng mượn tiền bằng giấy tay không có công chứng, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất là 3%/tháng, bà T không biết mục đích vay tiền của bà Y, từ khi vay tiền đến nay bà Y không thực hiện đóng lãi cũng như trả tiền vốn cho chị T.

Khi hết thời hạn vay bà Y không thực hiện việc trả nợ và cũng không có thiện chí trả nợ nên chị T yêu cầu bà Y trả số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi từ ngày 24/5/2018 đến ngày 25/6/2018 lãi suất 0.9%/tháng với số tiền là 450.000đ, tổng cộng chị T yêu cầu bà Y trả số tiền 50.450.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 25/6/2018 theo lãi suất Nhà nước quy định cho đến khi trả xong nợ.

- Tại bản tự khai ngày 01/8/2018 và biên bản hòa giải ngày 28/8/2018 và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Y trình bày:

Tháng 02/2018, con gái bà là Triệu Thị Thanh Tr có vay của T nhiều lần, cụ thể là lần thứ nhất vay của T 20.000.000 đồng, lần thứ hai và thứ ba mỗi lần vay của T 10.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm giấy vay tiền nhưng do T giữ, Tr không có giữ giấy tờ gì cả, mục đích vay là để buôn bán và đóng tiền lãi cho T.

Sau đó, cũng trong tháng 02/2018, bà có vay của T số tiền 10.000.000 đồng để cho Tr trả nợ, khi vay có làm giấy mượn tiền nhưng bà không có giữ mà toàn bộ T giữ hết, lãi đóng 3.000.000 đồng/tháng, bà đã đóng lãi cho bà T được 7.500.000 đồng, khi đóng lãi không có làm giấy tờ.

Sau đó, con gái bà không có khả năng trả nợ nên lên đi làm ăn xa, T vào nhà bà quậy phá yêu cầu bà nhận nợ để trả nợ cho con cả con gái bà nên vào ngày 24/5/2018 bà và T có làm hợp đồng mượn tiền với số tiền là 50.000.000đ và bà có ký tên vào hợp đồng mượn tiền.

Việc bà đóng lãi và con bà đóng lãi cho T không làm giấy tờ, bà cũng không có chứng cứ gì để chứng minh vì các giấy mượn tiền bà T giữ hết không đưa bà.

Nay bà thừa nhận còn nợ T số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và đồng ý trả lãi suất 0,9%/tháng là 450.000đ, tổng cộng vốn, lãi là 50.450.000đ (Năm mươi triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng), hiện nay do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, về lãi suất là 0,9%/tháng bà không đồng ý trả tiếp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trình bày của nguyên đơn, bị đơn, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị T khởi kiện yêu cầu bà Y trả cho chị số tiền vay là 50.000.000đ, Hội đồng xét xử xét đây là vụ án tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Phạm Thị Y đăng ký thường trú tại ấp 2A, xã N, thành phố B tỉnh BT và hiện đang sinh sống tại địa phương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung:

Vào ngày 24/5/2018 bà Y có vay tiền của chị T với số tiền là 50.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 30 ngày, khi vay hai bên có làm giấy tay không có công chứng. Tại phiên tòa hôm nay bà Y trình bày số tiền bà vay của chị T là 10.000.000đ còn số tiền 40.000.000đ là tiền vay của Tr con gái bà vay của chị T nhưng bà cũng thừa nhận có ký vào giấy mượn tiền ngày 24/5/2018 và còn nợ chị T số tiền vốn vay là 50.000.000đ. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*", tại phiên tòa bà Y thừa nhận còn nợ chị T số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) do đó có đủ căn cứ xác định bà Y còn nợ chị T số tiền vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Về thời gian vay tiền, bà Y cho rằng con gái bà và bà vay tiền của chị T từ tháng 02/2018, chị T không đồng ý với lời trình bày của bà Y và bà Y cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét chấp nhận được.

Qua hợp đồng mượn tiền ngày 24/5/2018 cho thấy việc vay mượn tiền giữa chị T và bà Y có làm giấy tờ, tuy không được công chứng nhưng hai bên cũng thừa nhận có ký tên vào giấy mượn tiền, chị T đã giao tiền đầy đủ cho bà Y là 50.000.000đ, bà Y đã nhận tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi khi đến hạn là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó yêu cầu của chị T yêu cầu bà Y trả số tiền vốn vay còn nợ là 50.000.000đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về lãi suất: Tại hợp đồng mượn tiền ngày 24/5/2018 hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, bà Y cho rằng lãi suất là 30%/tháng, việc bà Y trình bày đã đóng lãi cho chị T với số tiền 7.500.000đ với mức lãi suất là 30%/tháng nhưng chị T không thừa nhận và bà Y cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận lời trình bày của bà Y là lãi suất đã đóng là 7.500.000đ và 30%/tháng.

Chị T yêu cầu bà Y trả lãi suất từ ngày 24/5/2018 đến ngày 25/6/2018 là 0,9% với số tiền là 450.000đ, tại phiên tòa bà Y đồng ý trả số tiền này nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T yêu cầu bà Y trả lãi suất là 450.000đ (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài số tiền lãi trên, chị T còn yêu cầu bà Y trả lãi suất là 0,9%/tháng từ ngày 25/6/2018 cho đến ngày Tòa án giải quyết vụ án là ngày 18/9/2018, bà Y không đồng ý trả lãi. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 24/5/2018 và lời thừa nhận của các bên thì hợp đồng vay tiền giữa chị T và bà Y là hợp đồng vay có lãi nhưng khi đến hạn trả tiền vốn, lãi bà Y không trả tiền lãi nên chị T yêu cầu trả tiền lãi là có căn cứ được chấp nhận.

Tuy nhiên, chị T cho rằng lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng nhưng tại phiên tòa yêu cầu trả lãi suất là 0,9%/tháng tức 10,8%/năm, bà Y cho rằng lãi suất bà trả cho chị T là 30%/tháng và không đồng ý trả lãi tiếp với múc lãi suất là 0,9%/tháng, như vậy hai bên đã có tranh chấp về lãi suất. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"*, mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 20%/năm, do hai bên tranh chấp về lãi suất nên mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS là 10%/năm, tức là 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu bà Y trả lãi suất từ ngày 25/6/2018 đến ngày 18/9/2018 là 0,9%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, do đó chỉ xem xét chấp nhận mức lãi suất là 0,83%/tháng, từ ngày 26/6/2018 đến ngày 18/9/2018 là 2 tháng 22 ngày, cụ thể bà Y phải trả lãi cho chị T là: 50.000.000đ x 0,83%/tháng x 2 tháng 22 ngày = 1.134.300đ (Một triệu một trăm ba mươi bốn ngàn ba trăm đồng).

Tổng cộng tiền vốn, lãi bà Y phải trả cho chị T là: 50.000.000đ + 1.584.300đ = 51.584.300đ (Năm mươi mốt triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm đồng).

Do yêu cầu của chị T được chấp nhận nên hoàn tiền tạm ứng án phí cho chị T, bà Y phải trả tiền nợ vay cho chị T nên phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể:

Bà Y phải chịu án phí là: 51.584.300đ x 5% = 2.579.200đ (Hai triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T đối với bà Phạm Thị Y. Buộc bà Phạm Thị Y phải trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền vay là 51.584.300đ (Năm mươi mốt triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm đồng), trong đó tiền vốn vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), tiền lãi là 1.584.300đ (Một triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn ba trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Phạm Thị Y phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 2.579.200 (Hai triệu năm trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm đồng).

Chị Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.262.000đ (Một triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017357 ngày 19/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Bến Tre;
- VKSND TP. Bến Tre;
- Chi cục THADS TP. Bến Tre;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Diễm Châu